

Bản án số: 07/2020/DS-ST

Ngày 04-6-2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thanh Xuân

Ông Lê Văn La

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Cường- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện LG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LG tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thẩm thụ lý số: 19/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/QĐST-DS ngày 20/5/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Quốc Đ, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ1, xã Đ3, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, T9, xã XL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Thân Xuân B, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, T9, xã XL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai tiếp theo và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Đỗ Quốc Đ trình bày: Anh làm đại lý cung cấp bán thức ăn chăn nuôi gia súc tại gia đình ở xã Đ3, huyện YT, còn gia đình chị T có trang trại chăn nuôi gà để phát triển kinh tế. Anh có quen biết chị T qua một người bạn cùng nghề cung cấp thức ăn chăn nuôi gia súc ở Thái Nguyên giới thiệu.

Tháng 6/2019 anh và chị T có thỏa Tận miệng là anh có trách nhiệm đầu tư cung cấp cám cho gia đình chị T để chăn nuôi, khi giao cám gia đình chị T đã lấy cám của một đại lý ở bên tỉnh Thái Nguyên cung cấp, giá cả do hai bên thỏa Tận

từ trước do bên cung cấp cám ở Thái Nguyên xa nên đã để lại khách hàng cho anh và anh đã liên hệ với chị T để tiếp tục thực hiện hợp đồng cung cấp cám chăn nuôi. Khi anh cung cấp cám thì gà của gia đình chị T đã được 01 tháng tuổi. Hai bên thỏa Tận miệng phía anh cung cấp các loại cám từ cám 1, cám 2, cám 3 và giá tiền của các loại cám, hai bên không thỏa Tận về độ đậm của các loại cám mà độ đậm do công ty sản xuất cám chịu trách nhiệm. Hai bên có thỏa Tận về thời hạn cung cấp cám và ngày thanh toán tiền. Hình thức giao nhận cám là khi chị T cần sẽ gọi điện và anh sẽ cung cấp cám giao tận nhà cho chị T và đến nhà để T tiền theo như thỏa Tận từng lần giao cám giữa hai bên. Khi nhận cám chị T có quyền không nhận và trả lại cám.

Sau khi hai bên thỏa Tận miệng xong thì đến ngày 19/6/2019 anh Đ bắt đầu cung cấp cám cho gia đình chị T để chăn nuôi gà;

Ngày 19/6/2019 anh giao cám loại 511S cho gia đình chị T tổng số 80 bao với giá 250.000 đồng thành tiền 20.000.000 đồng; loại 500S tổng số 120 bao với giá 283.000 đồng thành tiền 33.960.000 đồng;

Ngày 02/7/2019 anh giao cám loại 511S tổng số 200 bao với giá 250.000 đồng thành tiền 50.000.000 đồng;

Ngày 11/7/2019 anh giao cám 3 tổng số 121 bao với giá 250.000 đồng thành tiền 30.250.000 đồng;

Ngày 17/7/2019 anh giao cám 3 tổng số 200 bao với giá 250.000 đồng thành tiền 50.000.000 đồng;

Tổng cộng số tiền cám hai bên có chốt sổ là 184.210.000 đồng.

Đến ngày 09/9/2019 chị T đã trả cho anh số tiền cám là 40.000.000 đồng; ngày 16/9/2019 chị trả tiếp 50.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc gia đình chị T còn nợ anh là 94.000.000 đồng. Khi hai bên giao nhận cám thì ông B là người kiểm số cám, chị T là người chốt sổ cùng anh. Quá trình bán cám thì chị T có đề nghị đổi loại cám của công ty khác theo yêu cầu của chị T nhưng anh không đổi vì gia đình anh chỉ kinh doanh một loại cám của công ty đã cung cấp bán cho chị T. Sau đó chị T đã không liên lạc lại và không lấy cám của gia đình anh nữa. Số tiền chị T còn nợ lại tính đến ngày 16/9/2019 là 94.000.000 đồng. Nay anh khởi kiện yêu cầu chị T cùng ông B là chồng chị có nghĩa vụ thanh toán số tiền cám gốc còn nợ là 94.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất vay Ngân hàng với mức 9%/năm là 0,75%/1 tháng kể từ ngày 31/8/2019 đến ngày xét xử 04/6/2020 là 09 tháng 04 ngày bằng số tiền 6.439.000 đồng. Tổng cộng là 100.439.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay anh Đỗ Quốc Đ vẫn giữ nguyên quan điểm trên.

* *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:* Chị và anh Đỗ Quốc Đ quen biết do gia đình anh Đ làm đại lý cung cấp bán thức ăn chăn nuôi, còn gia đình chị có trang trại chăn nuôi gà để phát triển kinh tế. Tháng 6/2019 chị và anh Đ có thỏa Tận miệng là anh Đ có trách nhiệm đầu tư cung cấp cám cho gia đình chị từ khi bắt đầu nuôi gà 01 ngày tuổi đến khi gà được xuất trường dự kiến là 65 ngày tuổi thì hai bên sẽ thanh toán trả tiền cám cho nhau. Hai bên thỏa Tận miệng phía anh Đ cung cấp các loại cám từ cám 1 để nuôi gà nhỏ khoảng 01 tháng tuổi độ đậm 21,5% loại cám gà trắng; cám 2 độ đậm

là 20,5% loại cám gà trắng. Sau khi hai bên thỏa Tận miệng vào ngày 12/6/2019 xong thì đến ngày 19/6/2019 anh Đ bắt đầu cung cấp cám cho gia đình chị để chăn nuôi gà;

Từ ngày 19/6/2019 đến ngày 17/7/2019 anh Đ giao 04 lần cám gà cho gia đình chị như phía anh Đ khai là đúng. Tổng cộng số tiền cám hai bên có chốt sổ là 184.210.000 đồng. Ngày 09/9/2019 chị đã trả cho anh Đ số tiền cám là 40.000.000 đồng; ngày 16/9/2019 chị trả tiếp 50.000.000 đồng. Tổng số tiền cám gốc chị còn nợ anh Đ là 94.000.000 đồng.

Quá trình anh Đ cung cấp cám cho gia đình chị khi nhận cám loại 511S độ đậm chỉ Đ 17% không đúng như thỏa Tận ban đầu. Khi nuôi gà không lớn cần mổ lông nhau thiệt hại cho gia đình chị. Chị có gọi điện thông báo cho anh Đ và đề nghị anh Đ cung cấp đổi loại cám khác Đ độ đậm 20,5% như thỏa Tận ban đầu, tuy nhiên anh Đ không đổi loại cám khác cho gia đình chị, và cũng ngừng cung cấp cám cho gia đình chị từ đó. Nay anh Đ khởi kiện yêu cầu chị cùng ông B có nghĩa vụ thanh toán số tiền cám gốc còn nợ là 94.000.000 đồng và tiền lãi là 6.439.000 đồng. Tổng cộng là 100.439.000 đồng. Chị thừa nhận số tiền gốc còn nợ như anh Đ là đúng chị đồng ý trả anh Đ nhưng do điều kiện kinh tế gia đình làm ăn chăn nuôi Ta lỗ nên chị xin trả dần theo hình thức 4 tháng trả tiền một lần số tiền là 15.000.000 đồng trả dần đến khi hết thì thôi. Còn số tiền lãi anh Đ yêu cầu thanh toán chị không đồng ý trả vì lý do anh Đ không cung cấp chất lượng cám độ đậm đúng như thỏa Tận ban đầu dẫn đến chăn nuôi Ta lỗ. Việc thỏa Tận mua bán cám nhận cám để chăn nuôi là do một mình chị đứng ra không liên quan đến ông B. Do vậy trách nhiệm trả tiền chỉ do một mình chị đứng ra thanh toán trả cho anh Đ.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm trên.

**Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thân Xuân B trình bày:* Ông là chồng của chị Nguyễn Thị T. Gia đình ông có chăn nuôi gà và có nhu cầu mua cám để chăn nuôi. Vào ngày 19/6/2019 vợ ông là Nguyễn Thị T có mua cám của anh Đỗ Văn Đ về để chăn nuôi gà, việc vợ ông mua bán cám thỏa Tận giá tiền, mua bán và thời hạn thanh toán như thế nào hoàn toàn do vợ ông là Nguyễn Thị T đứng gia giao dịch với anh Đ. Ông không được nhận cám cũng như không nhận trả tiền hay ký bất cứ văn bản giấy tờ thỏa Tận nào về việc mua bán cám với anh Đ. Nay anh Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền cám gốc còn nợ là 94.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả đến ngày xét xử ông không đồng ý cùng chị T trả số tiền trên vì ông không mua bán cám với anh Đ và không có liên quan gì trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay ông Thân Xuân B có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa HĐXX sơ thẩm thực hiện đúng quy định của B luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa

vụ của mình. Tại phiên tòa ông Thân Xuân B có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của B luật tố tụng dân sự; Điều 430; Điều 440; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của B luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức T, miễn, giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Quốc Đ. Buộc chị Nguyễn Thị T và ông Thân Xuân B có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Đỗ Quốc Đ số tiền mua cám gốc còn nợ 94.000.000 đồng và tiền lãi là 6.439.000 đồng. Tổng cộng là 100.439.000 đồng.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết về nghĩa vụ chậm trả tiền, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo đơn khởi kiện của anh Đỗ Quốc Đ yêu cầu chị Nguyễn Thị T và ông Thân Xuân B phải trả số tiền mua cám còn nợ là 94.000.000 đồng (Chín mươi tư triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi theo lãi suất vay Ngân hàng với mức 9%/năm là 0,75%/1 tháng kể từ ngày 31/8/2019 đến ngày xét xử là 09 tháng 04 ngày bằng số tiền 6.439.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 100.439.000 đồng.

Phía gia đình chị Nguyễn Thị T không có đăng ký kinh doanh, HĐXX xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Tranh chấp Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LG theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của B luật tố tụng dân sự; Điều 430 của B luật dân sự năm 2015.

Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thân Xuân B có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228 của B luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung:* Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đỗ Quốc Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản hòa giải ngày 26/3/2020 phía anh Đỗ Quốc Đ và chị Nguyễn Thị T thống nhất thỏa Tận gia đình chị Nguyễn Thị T còn nợ anh Đỗ Quốc Đ số tiền mua cám gốc là 94.000.000 đồng (Chín mươi tư triệu đồng). Nay anh Đỗ Quốc Đ yêu cầu chị Nguyễn Thị T và ông Thân Xuân B phải thanh toán số tiền gốc còn nợ trên.

Phía bị đơn chị Nguyễn Thị T thừa nhận gia đình chị có hợp đồng miệng mua bán cám với anh Đỗ Quốc Đ tháng 6/2019 như anh Đ đã trình bày là đúng và hiện còn nợ lại số tiền mua cám gốc là 94.000.000 đồng. Đây được xác định là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của B luật tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu của anh Đỗ Quốc Đ là có cơ sở nên được xem xét chấp

nhận theo quy định tại Điều 430, Điều 434, Điều 440 của B luật dân sự năm 2015. Cần buộc chị Nguyễn Thị T và ông Thân Xuân B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Đỗ Quốc Đ số tiền gốc còn nợ là 94.000.000 đồng.

Về yêu cầu tính lãi của anh Đỗ Quốc Đ, HĐXX xét thấy quá trình thực hiện hợp đồng mua bán cám giữa anh Đỗ Quốc Đ với gia đình chị Nguyễn Thị T phía anh Đ đã giao hàng đầy đủ đúng số lượng, chủng loại và địa điểm như thỏa Tận trong hợp đồng miệng mua bán giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng phía gia đình chị Nguyễn Thị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như thỏa Tận đã cam kết giữa hai bên.

Nay phía anh Đỗ Quốc Đ yêu cầu gia đình chị Nguyễn Thị T và ông Thân Xuân B chịu khoản tiền lãi suất phát sinh kể từ ngày 31/8/2019 theo lãi suất vay Ngân hàng với mức 9%/năm là 0,75%/1 tháng đến ngày xét xử ngày 04/6/2020 là 09 tháng 04 ngày bằng 6.439.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 100.439.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[3] Về trách nhiệm trả tiền: Xét thấy việc gia đình chị Nguyễn Thị T mua bán cám với anh Đỗ Quốc Đ là để tạo nguồn T nhập nhằm xây dựng kinh tế gia đình, khi giao dịch mua bán ông B có được biết, khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa chị T và ông B. Căn cứ Điều 27; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chị Nguyễn Thị T và ông Thân Xuân B phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền còn nợ tổng cả gốc và lãi là 100.439.000 đồng cho anh Đỗ Quốc Đ.

[4] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày có đơn đề nghị thi hành án của anh Đỗ Quốc Đ, nếu chị Nguyễn Thị T và ông Thân Xuân B không trả được số tiền trên thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của B luật dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của B luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức T, miễn, giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Nguyễn Thị T và ông Thân Xuân B phải chịu 5.021.900 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đỗ Quốc Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Đỗ Quốc Đ số tiền 2.450.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai T số AA/2019/0002175 ngày 24/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG.

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của B luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 430; Điều 434; Điều 440; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của B luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của B luật tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết

quy định về mức T, miễn, giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Quốc Đ, đối với chị Nguyễn Thị T và ông Thân Xuân B về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc chị Nguyễn Thị T và ông Thân Xuân B phải có nghĩa vụ trả cho anh Đỗ Quốc Đ, số tiền mua cám gốc còn nợ là 94.000.0000 đồng và tiền lãi là 6.439.000 đồng. Tổng cộng là 100.439.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong và anh Đỗ Quốc Đ có đơn đề nghị thi hành án mà chị Nguyễn Thị T và ông Thân Xuân B không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì chị Nguyễn Thị T và ông Thân Xuân B còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T và ông Thân Xuân B phải chịu 5.021.900 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đỗ Quốc Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Đỗ Quốc Đ 2.450.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai T số AA/2019/0002175 ngày 24/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng Đ hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện LG;
- Chi cục THADS huyện LG;
- Các đương sự;
- Cổng TTĐT Tòa án;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Quỳnh Hoa

